



chù zhǎng

处长

noun · department head

Example Sentences

chù zhǎng jīn tiān zài bàn gōng shì kāi huì
处长今天在办公室开会。

The department head is having a meeting in the office today.

chù zhǎng yāo qiú gè bù mén tí jiāo jì dù bào gào
处长要求各部门提交季度报告。

The department head requested that all departments submit quarterly reports.

Trace each character, then write the word on your own.

处处处处处处处处

长长长长长长